

## Soạn bài Tìm hiểu yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận - Ngữ văn 8

### Gợi ý trả lời câu hỏi soạn bài:

#### I. Yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận

1. Đọc văn bản *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* trang 95, SGK và trả lời các câu hỏi.

a) Những từ ngữ biểu lộ tình cảm mãnh liệt của tác giả trong bài văn:

Từ ngữ: muốn hòa bình, phải nhân nhượng, càng lấn tới, quyết tâm cướp nước ta, thà hi sinh, nhất định không, phải hi sinh tới giọt máu cuối cùng, thắng lợi nhất định về dân tộc ta.

Những câu cảm thán:

+ *Hỡi đồng bào toàn quốc!*

+ *Hỡi anh em binh sĩ, tự vệ, dân quân!*

+ *Không! Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước nhất định không chịu làm nô lệ.*

- Cả *Hịch tướng sĩ* của Trần Quốc Tuấn và *Lời kêu gọi toàn dân kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh đều giống nhau ở việc đều sử dụng nhiều từ ngữ và câu văn giàu tình cảm.

b) Cả hai văn bản này đều là văn bản nghị luận vì hai văn bản này không nhằm bộc lộ cảm xúc mà hướng tới tác động tới lý trí của người đọc, buộc người đọc phải hiểu và phân tích được để bàn về lẽ phải, trái, đúng sai của một quan điểm, một ý kiến.

c) Những câu văn ở đoạn 2 hay hơn đoạn 1 vì giàu sức biểu cảm khi kết hợp những từ ngữ bộc lộ tình cảm, thái độ của người viết.

Yếu tố biểu cảm khi đưa vào văn nghị luận sẽ có hiệu quả thuyết phục hơn, tác động mạnh mẽ tới người đọc (người nghe).

2. Phương pháp phát huy tác dụng của yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận:

a) Người viết ngoài việc suy nghĩ về luận điểm, lập luận còn phải thực sự xúc động trước những điều mình đang nói tới.

b) Không chỉ cần rung cảm, mà cần phải có tình cảm, cảm xúc thực sự trước những vấn đề mà mình trình bày.

## Soạn bài Tìm hiểu yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận - Ngữ văn 8

c) Không phải bài văn cứ sử dụng nhiều từ ngữ biểu cảm và câu cảm thán thì giá trị biểu cảm tăng vì những yếu tố này chỉ là phụ trợ. Cảm xúc, sự rung động thực sự chứ không phải sự đưa đẩy bóng bẩy bằng ngôn từ.

### II. Luyện tập

#### Câu 1:

Những yếu tố biểu cảm trong phần I - Chiến tranh và "Người bản xứ" được thể hiện trong hệ thống các từ ngữ đối lập nhau, hoặc mang tính chất mỉa mai, châm biếm.

Những yếu tố biểu cảm trong " Chiến tranh và người bản xứ" ( Thuế máu) được thể hiện trong hệ thống các từ ngữ đối lập hoặc mang tính chất mỉa mai châm biếm.

+ Những tên da đen bản thủ, những tên "An-nam-mít" bản thủ >< những đứa con yêu và những người bạn hiền, chiến sĩ bảo vệ công lý và tự do.

+ Chiến tranh vui tươi, vinh dự đột ngột >< đột ngột lia xa vợ con, phơi thây trên các bãi chiến trường.

+ Cảnh kì diệu của trò biểu diễn khoa học về phóng ngư lôi, >< xuống tận đáy biển để bảo vệ tổ quốc của các loài thủy quái.

+ Bỏ xác tại những miền hoang vu, thơ mộng.

+ Lấy máu mình tưới những vòng nguyệt quế, lấy xương mình chạm nên những chiếc gậy.

+ Khắc ra từng miếng phổi.

- Tác dụng của những từ ngữ này:

+ Giúp người đọc thấy được bản chất lọc lõi, lừa đảo và bộ mặt thâm độc, quỷ quyệt của bọn thực dân Pháp trong việc sử dụng người dân thuộc địa làm bia đỡ đạn cho chúng.

#### Câu 2 :

Đoạn trích trong bài tập này đã thể hiện những cảm xúc chủ yếu sau đây của tác giả:

- Nỗi buồn của người thầy- nhà giáo tâm huyết với nghề dạy học- trước tình trạng học tử, học vẹt của học sinh.

- Nỗi dằn vặt, lo lắng, của nhà giáo trước một thực tế đáng buồn diễn ra trong đời sống giáo dục của nước nhà thời kì trước.

## Soạn bài Tìm hiểu yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận - Ngữ văn 8

Đoạn trích không những tác động tới ý chí mà còn tác động tới tình cảm bởi:

+ Giọng văn chứa đầy những tâm sự, nỗi day dứt, băn khoăn của người viết.

+ Câu văn được viết dưới dạng tu từ, mang tính chất bộc lộ thái độ và thể hiện nỗi đau của tác giả một cách kín đáo: Nói làm sao cho... Không có lí do gì phải nhảm bết... Sao không có một "hãng" nào đó in ra...

- Từ ngữ thể hiện thái độ đau xót, buồn bã trước thực trạng học vẹt của học sinh: nỗi khổ tâm, đeo một cái nghiệp, năm trời, việc gì phải lòi thoi...

### Câu 3 :

Muốn chiếm lĩnh được tri thức cần có phương pháp khoa học thay vì việc học tủ và học vẹt. Học vẹt là học chay, học không khoa học, tràn giang đại hải, học theo kiểu bắt chước một cách vô thức, không hiểu bản chất của vấn đề. Còn học tủ là lối học lười, chọn phần tiếp thu nhanh để học. Hai lối học tai hại này đều gây ra hậu họa khôn lường. Học tủ có thể bị "lệch tủ", "trật tủ" và khả năng bị điếm liệt, điếm yếu rất báo động. Học vẹt khiến cho học sinh rỗng kiến thức và làm mất đi lối tư duy phân tích, tổng hợp vấn đề. Cả hai cách học này đều khiến học trò bị mất phương hướng và hoàn toàn trống rỗng khi học. Kiến thức thực sự, khả năng sáng tạo và phát triển trí tuệ sẽ không được bị triệt tiêu bởi hai phương pháp học tủ và học vẹt lệch lạc, phiến diện.